

Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa**Tập 14****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyên ngữ: Giới Niệm****Biên tập: Nguyên Tâm****Thời gian: 1999****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội_Singapore**

Xin mở kinh ra, Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên, trang thứ mười bốn phần quán luận, bắt đầu xem từ dưới lên hàng thứ hai, đây là đoạn huyền nghĩa cuối cùng nói về “*Phán giáo*”. Trước tiên, chúng ta đọc qua đoạn văn này.

“Đệ ngữ phán vô thượng đề hồ, vi giáo tướng giả, phạm ngôn giáo giả, thị thông đồ chi ngôn, dẫn hữu chỉ huy, phân phán biện thuyết, giai danh vi giáo, tứ giáo nghĩa vân, thông ngôn giáo giả, dĩ thuyên lý hóa vật vi nghĩa, thuyết năng thuyên lý, hóa chuyển vật tâm, cố ngôn giáo dã”.

Chúng ta xem đoạn văn này, đoạn văn này trước tiên nói cái gì gọi là giáo? Nếu nói như hiện nay, giáo là giáo học, chính là để phân biệt bộ kinh này, khóa trình của môn này, phải học vào lúc nào? Giống như người chủ quản lý việc dạy học trong trường của chúng ta, để sắp xếp những đề mục và tiến trình dạy học của trường, họ sắp xếp nó vào một học hệ nào, sắp xếp học môn này vào lịch trình năm nào. Nhưng trước đây, đức Thế Tôn giảng kinh, thuyết pháp, thật sự không có ý này. Phán giáo là do các vị Tồ sư đại đức sau này, vì để tiện cho sự giảng dạy mà làm.

Nhưng Phật pháp viên dung, do đó chúng ta nhất định không thể chấp chặt cho rằng pháp này là của cổ đức nói. Pháp của ngài nói có lợi ích, nhưng nếu chúng ta chấp chặt vào đó, thì tác dụng hoàn toàn trái ngược, không chỉ không được lợi ích, mà trái lại bị tổn hại.

Chỗ này nói với chúng ta rằng, phạm là nói giáo, giáo là danh xưng phổ thông, giáo chính là dạy học. Ý của nó có chỉ huy, có xét đoán, có biện luận, tất cả đều gọi là giáo. Chỉ huy chính là bây giờ chúng ta nói chỉ đạo, xét đoán, biện luận, các vị cũng rất dễ hiểu, đây đều gọi là giáo. Ta chỉ đạo người khác chính là giáo người, ta phân tích, phán đoán cho người khác cũng là dạy người, ta cùng với người biện luận, giảng giải vẫn gọi là dạy người, tất cả đều thuộc về giáo. Ở trong bốn giáo nghĩa của Thiên Thai nói, thông ngôn giáo là lấy sự giảng lý hóa vật làm nghĩa, ý này nói rất hay.

“Thuyết năng thuyên lý”. Khi Đức Thế Tôn còn tại thế, Ngài hoàn toàn dùng ngôn thuyết, không có dùng văn tự để ghi lại. Văn tự là do người đời sau làm, sau khi Đức Phật diệt độ, các đệ tử cảm thấy lời giáo huấn của Đức Phật, thật sự có lợi ích cho tất cả chúng sinh. Nếu cứ truyền miệng cho nhau, qua thời gian lâu nhất định có sai lạc, về sau cái sai ấy cứ truyền mãi, đây là điều không thể tránh khỏi. Xưa nay trong ngoài nước đều có hiện tượng này, khó mà khiến cho người đời sau sinh khởi lòng tin. Do đó, dùng văn tự để ghi lại trở thành việc rất cần thiết.

Vì thế, các đệ tử mới tổ chức tập kết kinh điển, kết tập cũng là chỉnh lý, dùng văn tự ghi lại những lời giáo huấn của Đức Phật, để truyền lại cho đời sau. Tinh tiết của sự tập kết, các vị cũng được nghe rất nhiều, ở đây không cần nói để khỏi mất thời gian.

“Văn dĩ tải đạo”, điều này Cổ nhân Trung Quốc đã chủ trương, đạo lý ngôn ngữ, văn tự đã nói, người bây giờ gọi là chân lý. Lý người bây giờ gọi là chân lý, đạo lý chân thật, sự tương chân thật. Sở dĩ *“thuyết năng thuyên lý”*, mục đích của thuyết giáo ở chỗ nào? Mục đích là *“hóa chuyển vật tâm”*. Đây là công năng của giáo dục, mục đích của giáo dục.

Chúng ta học Phật, phát tâm xuất gia, làm đệ tử Phật, sứ mạng của chúng ta chính là kế tục huệ mạng của Đức Phật, truyền bá giáo hóa của Đức Phật, giúp chúng sinh phá mê khai ngộ, đây là sứ mạng duy nhất của chúng ta. Chúng ta đến thế giới này để làm việc này, ngoài việc này ra, còn những việc khác không phải là việc của chúng ta làm. Việc từ thiện cứu tế rất nhiều, sự nghiệp từ thiện của xã hội có phải là việc chúng ta nên làm hay chẳng? Không phải. Chúng ta cần phải làm sự nghiệp đại từ thiện, chúng ta cần phải làm sự nghiệp từ tế căn bản, đó là cứu độ pháp thân huệ mạng của tất cả chúng sinh.

Sự nghiệp từ thiện của người đời làm là sự nghiệp nhỏ. Người không có ăn ta cầm một ít vật thực đến cho họ ăn, người không có áo quần mặc ta cầm vài bộ áo quần đến cho họ mặc, đó là việc nhỏ. Chúng ta giúp đỡ là giúp đỡ việc lớn: “*Chuyển hóa vật tâm*”. Hóa là biến hóa, chuyển là chuyển biến. Trong đây không nói nhân tâm, mà nói vật tâm. Nói nhân tâm thì trong chín pháp giới chỉ độ được một pháp giới, nói vật tâm là nói bao quát cả chín pháp giới, vật có thể bao gồm cả người, nhưng người không thể có vật. Do đó, ý nghĩa này rất rộng. Cũng chính là ngày nay nói tất cả hữu tình chúng sinh, chữ vật bao gồm tất cả hữu tình chúng sinh.

Chúng ta cần phải giúp đỡ họ, làm một đại chuyển biến, cần phải giúp đỡ chúng sinh, chuyển hóa người mê hoặc điên đảo thành bậc giác ngộ, chánh tri chánh kiến, việc dạy học này mới có thành tích đáng nói. Chuyển mê thành ngộ, hóa tà thành chánh, chuyển nhiễm thành tịnh, đây là cương lĩnh chung mà Đức Phật dạy cho chúng ta. Chúng ta cần phải giúp đỡ người khác thay đổi, trước tiên chúng ta cần phải thay đổi chính mình, sau đó dạy người khác thì họ mới có lòng tin với chúng ta. Nếu chính chúng ta không thay đổi, mà dạy người khác thay đổi thì họ sẽ không có lòng tin với chúng ta. Lời nói không dứt khoát, thế nào cũng được. Vì sao vậy? Vì chính mình không đủ lòng tin, nên cần phải chính mình thay đổi, tự độ rồi, sau đó mới có thể độ người. Độ chính là thay đổi, chính là hai chữ “*hóa chuyển*” này.

Chân lý mà Đức Phật nói cho chúng ta, là nguyên tắc chung, cương lĩnh chung. Câu thứ nhất trong Luân Quán, pháp sư Thanh Liên đã nói “*nhất niệm tự tính*”, tận cùng hư không, biến khắp pháp giới đều do nhất niệm tự tánh biến hiện ra. Trong Hoa Nghiêm, Đức Phật nói cho chúng ta biết hư không pháp giới tất cả chúng sinh “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Tâm của ai? Tâm của chính mình. Thức của ai? Thức của chính mình.

Do đó, hư không pháp giới, tất cả chúng sinh là chính mình, không phải người khác, không có người khác. Nếu bạn có thể chấp nhận, có thể khẳng định, thì bạn làm Phật rồi. Đức Phật với phàm phu khác nhau chính là ở điểm này. Đức Phật chấp nhận hư không pháp giới, tất cả chúng sinh là chính mình, còn hàng phàm phu thì không chấp nhận hư không pháp giới, tất cả chúng sinh là chính mình, không thừa nhận. Không chấp nhận chính là tri kiến của hàng phàm phu, tà tri tà kiến, chấp nhận là Phật tri Phật kiến, chánh tri chánh kiến.

Nhưng muốn phàm phu chấp nhận, việc ấy không phải dễ. Vì sao? Vì phàm phu mê muội quá lâu, từ vô lượng kiếp mãi cho đến ngày nay. Nay bạn vạch trần nó, nói ra chân tướng thật sự, họ không tin, họ không thể tin. Ở ngay trong hội giảng của chúng ta có hai hạng người, một hạng người trong đời quá khứ họ đã gieo trồng thiện căn phước đức nhân duyên rất sâu dày, nên bạn giảng cho họ nghe thì họ tin, họ chấp nhận. Ngoài ra còn một hạng người đã huân tập kinh giáo một thời gian dài, được gọi là thâm nhập kinh tạng, thâm giải nghĩa thú. Hạng người này giảng cho người khác nghe thì họ tin tưởng, họ có thể chấp nhận. Không phải hai hạng người này thì rất khó khăn.

Tuy là khó khăn nhưng Phật tuyệt đối không bỏ một chúng sinh. Chúng sinh có thể giáo hóa được thì Đức Phật không bỏ họ, chúng sinh không thể giáo hóa được, Ngài cũng không bỏ. Bạn muốn hỏi Ngài vì sao? Đức Phật biết chúng sinh không chịu tiếp nhận sự

giáo hóa, chúng sinh chống lại, cũng là do tâm hiện thức biến của chính mình, cũng cùng một thể với mình, không phải ở ngoài tâm tánh của chính mình. Ngoài pháp không có tâm, ngoài tâm không có pháp. Do đó, mới có đồng thể đại bi, vô duyên đại từ. Đây là chân ái, đại ái, người mê không có, người giác mới có.

Người mê luôn luôn bị tình ái bao quanh. Tình là mê, các vị cần phải hiểu rõ, con người mê tình. Giác là trí, trí là chân thật. Chân thật thì vĩnh hằng bất biến, tình sẽ thay đổi, tình là thiên biến vạn hóa, không bao giờ ổn định. Trí thì ổn định, vĩnh viễn không thể thay đổi. Cũng có thể nói phàm phu khác với Phật, Bồ Tát là ở chỗ này. Phật Bồ Tát lý trí, phàm phu là tình cảm.

Làm thế nào có thể chuyển tình thức thành trí tuệ? Chủ trương của Tướng tông là “*Chuyển thức thành tri*”. Thức chính là tình, chính là chuyển tình thức thành trí tuệ, đây đều là làm thay đổi, làm chuyển biến.

Dưới đây thì nói rõ ràng hơn: “*Hóa chuyển có ba nghĩa*”, chúng ta nhất định cần phải hiểu điều này, nhất định cần phải rất nghiêm túc để học tập. “*Một là chuyển ác làm thiện, hai là chuyển mê thành giải*”, ‘*giải*’ chính là ngộ “*ba là chuyển phàm thành thánh*”. Đây là ba giai đoạn, giai đoạn thứ ba mới là kết quả, mới có thành tựu. Giai đoạn trước là nhân địa, giai đoạn thứ ba chính là kết quả, tu nhân chứng quả. Các vị xem kỹ, câu thứ nhất là giới, giới học, câu thứ hai là định tuệ, câu thứ ba này mới là chứng quả.

“*Chuyển ác làm thiện*”, tiêu chuẩn của ‘*thiện*’ là giới. Giới căn bản là Ngũ giới, Thập thiện, nhất định cần phải tuân thủ, nhất định cần phải làm được. nếu không làm được thì cần phải sinh tâm hổ thẹn, cần phải sám hối nghiệp chướng, nhất định cần phải làm được. Bạn không làm được điều thứ nhất thì điều thứ hai bạn không có phần. Ba điều này giống như lầu ba tầng, chuyển ác làm thiện là tầng thứ nhất, chuyển mê khai ngộ là tầng thứ hai. Bạn không có tầng thứ nhất thì làm sao có tầng thứ hai? Kinh Vô Lượng Thọ từ phẩm 32 đến phẩm 37 nói rất rõ ràng, rất minh bạch về Ngũ giới, Thập thiện, chúng tôi chọn làm thời khóa buổi tối, mục đích là ở điểm này.

Thời xưa, con người rất thuần hậu, phong tục thiện lương, bên ngoài ít có sự cám dỗ, con người sống trong sự an bình. Ở trong hoàn cảnh ấy, tu hành chứng quả thì thù thắng hơn so với hoàn cảnh của chúng ta bây giờ, hoàn cảnh sinh hoạt bây giờ của chúng ta đối với sự tu học mà nói thì rất bất lợi. Cảnh duyên bên ngoài, sức mạnh của cám dỗ rất lớn, rất lớn. Thực tế mà nói, nếu không có thiện căn sâu dày, thì làm thế nào có thể chống chọi để vượt qua sự cám dỗ? Sự cám dỗ là gì? Đó là Ma.

Trong Kinh Bát Đại Nhân Giác, Đức Phật nói cho chúng ta, có bốn loại ma. Thứ nhất, ngũ âm ma. Các vị suy đoán thử, ý nghĩa thực sự của ma ngũ âm ở chỗ nào? Ngũ âm vì sao có thể trở thành ma? Ngũ âm là chỉ cho cái thân này. Thân xác thịt vật chất này là sắc, hữu tình chúng sinh là tướng do tâm sắc hòa hợp mà có, tâm pháp là thọ tướng hành thức. Nói ngũ âm chính là nói về sắc thân này của chúng ta, sắc tâm hòa hợp thành các thứ này, vì sao gọi nó là ma?

Chư Phật Bồ Tát cũng cần phải thị hiện sắc thân thì các Ngài mới có thể hóa độ chúng sinh, Chư Phật Bồ Tát cũng phải biến thành ma ư? Bạn luyện tiếc cái sắc thân này, đây chính là ma. Sở dĩ nói ma ngũ âm chính là nói tính tự tự lợi, mỗi niệm mỗi niệm đều nghĩ về cái sắc thân này, thì ngũ âm này biến thành ma. Nếu bạn hiểu được, giống như vấn đề “*chiếu kiến ngũ uẩn giai không*” được nói ở trong Tâm Kinh, thì chính là thành Phật, không phải là ma, chuyển ma thì thành Phật.

Đây là chuyển biến, sắc tâm hòa hợp thì thành Phật rồi. Sau đó, chúng ta mới thật sự hiểu rõ vì sao nói ma là nó, nói Phật cũng là nó. Phật và ma chỉ trong một niệm, một niệm thay đổi thì ma chính là Phật. Do đó tôi đã sớm nói qua với đại chúng, ma cũng rất đáng

yêu, ma cũng không phải hoàn toàn không tốt, một niệm giác thì nó là Phật. Chúng ta muốn giúp đỡ ma thành Phật, cần phải giúp đỡ ma này của chính mình thành Phật, nếu ma này của mình không thành Phật thì ma bên ngoài sẽ đến quấy nhiễu. Ma với ma cùng chung chí hướng, thì bạn sẽ chịu sự ảnh hưởng của nó, sẽ bị nó quấy nhiễu. Loại ma thứ nhất này, ta cần phải hiểu rõ.

Thứ hai, phiền não ma, phiền não là gì? Chúng ta nói loại ma này là thất tình, ngũ dục. Người đời đối với thất tình, ngũ dục đều sinh tâm ưa thích. Nếu khi không được như ý thì họ lại sinh ra sân hận, thấy người khác được thì họ sinh tâm đố kỵ, bạn thấy có phiền phức chẳng? Đây gọi là ma.

Thứ ba, Tử ma, tử ma là gì? Chúng ta tu học mà không được thành tựu, thì thọ mạng đã đến, công phu tu học đời này của chúng ta, nói thật chỉ uổng phí. Đây là sự dẫn vật, là sự chướng ngại lớn. Vì thế, người thông minh cần phải tỉnh ngộ, con người nhất định sẽ chết, có ai mà không chết đâu? Có sinh ắt có diệt, chúng ta có biết được thọ mạng mình sống bao lâu chẳng? Không biết, thế thì cần phải nắm bắt từng chút thời gian để làm việc lớn cầu thoát sinh tử ra khỏi ba cõi, thế là bạn giác ngộ rồi.

Việc này, cần phải làm ngay không được trì hoãn, thời gian của chúng ta không nhiều, không phải là dài vô hạn, thì sao có thể lười biếng? Sao có thể buông lung? Bạn nghĩ rằng thời gian còn rất dài sao? Bạn thử xem những lời tiên đoán xưa và nay, trong nước và ngoài nước đều nói năm 1999 là tận thế. Chúng ta xem tin tức thời sự đầu tiên đăng trên tờ báo ngày hôm qua, Tổng thống nước Nga, Diệp Nhĩ Tân (Vladimir Putin) nói: “*Áu chiến (chiến tranh thế giới) rất có thể bùng phát*”, ông ta đưa ra lời cảnh cáo, hy vọng nước Mỹ có thể suy nghĩ kỹ lại, đừng tùy tiện phát động chiến tranh, e rằng đại chiến thế giới lần thứ III sẽ xảy ra, chẳng phải là việc tốt. Vì thế, chúng ta cần phải có sự cảnh giác cao độ, cần phải nắm bắt thời gian từng phút từng giây, đó chính là đã giác ngộ. Bạn cho rằng tương lai còn rất dài, hôm nay không làm thì ngày mai làm, năm nay không làm thì năm sau làm, thì bạn đã mê rồi, bạn đã sai rồi. Do đó, chúng ta cần phải đồng mãnh, tinh tấn, nhất là ở trong thời đại hiện nay.

Thứ tư, Thiên ma. Thiên ma được nói ở đây chính là hoàn cảnh bên ngoài. Hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất, đó đều không phải cái ở trong chính chúng ta, mà là cái bên ngoài.

Ba loại ngũ âm ma, phiền não ma, tử ma đã nói ở trước đều là cái ở trong thân chúng ta, cái sẵn có của bản thân. Chúng ta nói người khác là ma, nhưng ma này của chính mình cũng không hiểu được. Do đó, muốn thay đổi, trước cần phải thay đổi chính mình đã, sau đó mới có năng lực chuyển hóa người khác.

Bắt đầu chuyển từ đâu? Chuyển ác thành thiện. Thiện ác y theo mười tiêu chuẩn mà Đức Phật đã định ra cho chúng ta, rất dễ nhớ. Sát sinh là ác, là đại ác. Không sát sinh là thiện, là đại thiện. Không chỉ không sát sinh mà còn muốn quyết tâm không làm nào hại chúng sinh, đó là thiện trong thiện, đây là nói đừng bao giờ để cho chúng sinh vì ta mà sinh phiền não. Chúng sinh vì ta mà sinh phiền não, thì ta có lỗi với chúng sinh, thì ta đã tạo ác nghiệp, như thế vẫn có thể hại họ, cũng có thể giết họ? Đây là điều chúng ta cần phải thay đổi.

Thường thường chúng ta hữu tâm hay vô tâm, hữu ý hay vô ý, cũng khiến cho rất nhiều chúng sinh vì ta mà sinh phiền não, đây là ác. Vì sao mình làm ác? Không có điều gì khác ngoài tâm ích kỷ. Khi tâm ích kỷ khởi lên, thì chính mình không có được lợi ích, mà còn khiến người khác bất bình, ví dụ như đố kỵ, cản trở. Đố kỵ với người khác, chúng ta phá hoại việc tốt của người khác, ngăn cản việc tốt của người khác thì chính mình có được lợi ích gì hay không? Không có gì cả. Không có lợi ích gì cả thì vì sao phải làm? Đó là do đó

kị mà làm. Vậy thì còn cách gì nữa? Không hiểu nổi cách làm này, thật sự là làm tổn hại người nhưng cũng gây bất lợi cho mình. Người ta chịu tổn hại thì nhỏ, còn chính mình chịu tổn hại rất lớn.

Đặc biệt là đối với Tam bảo, chúng tôi ở trong đó mấy mươi năm, chính mình thể nghiệm được. Chúng tôi muốn hoằng pháp, muốn giúp đỡ người khác nhưng gặp phải không biết bao nhiêu sự trở ngại, nó đến từ đâu? Nó đến từ các vị đồng đạo của chúng ta, đây chính là cô nhân nói đồng hàng tương kị. Đến từ các vị đồng đạo của chúng tôi, đến từ các đạo tràng trong Phật môn. Chúng tôi muốn hoằng dương chánh pháp, nhưng họ không thích. Những lời từ miệng nói ra hoàn toàn trái lại với những việc làm, hành vi của họ. Họ nghĩ đủ mọi cách để cản trở, để quấy nhiễu, nhưng chúng tôi vẫn chăm chỉ nỗ lực để làm, đương nhiên thành quả của chúng tôi làm, giảm xuống rất nhiều.

Nhưng chỉ cần chúng tôi cố gắng nỗ lực, dùng tâm chân thành hộ trì chánh pháp, nối tiếp huệ mạng của Phật, làm lợi ích chúng sinh. Chúng ta dùng tâm chân thành để cảm động các thứ ma này, hy vọng các yêu ma quỷ quái này cũng có thể hồi đầu hộ trì chánh pháp. Chỉ cần chúng ta dùng tâm chân thành đối đãi họ, làm việc với tâm không tư hữu, không tham cầu thì lâu ngày yêu ma quỷ quái ấy cũng sẽ hồi đầu. Vì sao? Vì họ có Phật tánh, họ không phải không có thiện căn. Họ cũng có thiện căn nhưng do nghiệp chướng tập khí quá sâu dày đã cản trở thiện căn của họ. Chúng ta quyết định không nên oán trách họ.

Sáng sớm hôm nay, tôi tiễn Graeme của Úc Châu và Lý cư sĩ, tôi ngồi nơi bàn nói chuyện với họ. Chúng ta giúp đỡ một người mà mình thích thì chúng ta rất vui vẻ, giúp đỡ một kẻ địch, giúp đỡ một oan gia thì chúng ta sẽ càng hạnh phúc hơn, càng an vui hơn. Niềm hạnh phúc, an vui này, các bạn không lãnh hội không, nhưng hai người họ có thể nghe hiểu được.

Thời xưa, các bậc thánh hiền có nói “*Nhân giả vô địch*”. Một người nhân từ không bao giờ có oan gia, không có đối thủ, không có kẻ thù. Họ đối địch với ta ta không đối địch với họ, họ ghét ta ta thương họ, họ hãm hại ta ta giúp đỡ họ, đây là Bồ Tát, đây là đồng thể đại bi. Chúng ta hiểu được ma cũng là nhất niệm tự tánh. Phật là nhất niệm tự tánh, ma cũng là nhất niệm tự tánh, thế thì Phật bình đẳng với ma.

Chúng ta dùng tâm bình đẳng để đối đãi, dùng tâm bình đẳng để cung kính, dùng tâm bình đẳng để cúng dường, chuyển ác làm thiện, ngày ngày cứ tư duy, ngày ngày cứ phản tỉnh, cứ kiểm điểm. Ngay trong một ngày này chúng ta khởi tâm động niệm, xử lý sự việc, đối nhân xử thế có thiện chăng? Thập thiện, ngũ giới chính là tiêu chuẩn, không cần làm quá nhiều, quá nhiều thì không nhớ nổi. Nên dùng tiêu chuẩn này để nhận định, để kiểm điểm, để phản tỉnh, tìm ra cách để sửa đổi lỗi lầm, dừng cảm sửa đổi lỗi lầm. Ngày ngày phản tỉnh, ngày ngày sửa lỗi, phản tỉnh phát hiện lỗi lầm của mình. Tôi nói cho các vị biết, đây chính là sự giác ngộ của nhà Phật giảng. Bạn không mê lầm, thì bạn giác ngộ rồi, bạn có thể sửa đổi những sai lầm của mình, chân thật tu hành.

Lão cư sĩ Hạ Liên Cư nói “*thực hành*”, thật sự sửa đổi khuyết điểm của mình, đây chính là một sự thay đổi. Người tu hành cần phải bắt đầu làm từ chỗ này, mỗi thời mỗi khắc đều nghĩ đến ta còn có ý niệm ác chăng? Còn có làm hành vi ác, động cơ ác chăng? Đây là sự chuyển hóa tầng thứ nhất, tầng thứ hai thì tiến bộ hơn một bước. Thứ nhất là trì giới, trì giới là chuyển ác thành thiện, tiến thêm một bước nữa phá mê khai ngộ.

Chúng ta bỏ tầng thứ nhất, bắt đầu làm từ tầng thứ hai có được chăng? Nói cho các vị nghe, không được. Vì sao không được? Thói quen xấu, tâm niệm ác, hành vi quấy của ta, nếu không thể sửa đổi, đó là gốc mê của bạn, làm sao có thể khai ngộ được? Không thể được. Do đó, trong Phật pháp có nói cho các vị, có một niệm phân biệt chấp trước, thì chắc chắn không thể khai ngộ. Khi nào thì ta khai ngộ? Khi buông bỏ hết sự phân biệt chấp

trước, thì ta khai ngộ. Nếu không chấp vào ngũ ấm là thân mình, vậy cái gì là thân mình? Tân hư không biến pháp giới là thân mình, tất cả chúng sinh là thân mình, thì ta khai ngộ. Đây là sự thật, đây là chân tướng.

Ví dụ tôi ở trong giảng đường cùng với đại chúng, sắc thân này của chúng ta, ở ngay trong toàn bộ sinh mạng của chúng ta, sinh mạng là nhất thể, thì giống như một tế bào trong thân thể, hư không pháp giới là toàn bộ thân thể của chúng ta. Ngày nay chúng ta quên mất, tế bào này nó độc lập, nó không thừa nhận là một bộ phận của cơ thể, đó gọi là mê. Khi nào giác ngộ? Toàn bộ thân thể mới là chính mình. Nhất chân pháp giới, thập pháp giới, hết tất cả chúng sinh đều là chính mình. Đó là vì sao? Nhất niệm tự tánh.

Nói cho quý vị biết, nhất niệm tự tánh sở hiện, nhất niệm tự tánh sở biến, đó vẫn còn cách một tầng, đã nói đến mức gần nhất mà còn không thể hiểu thấu suốt, còn cách một tầng, đích thực là cái gì? Chính là nhất niệm tự tánh, tánh tướng không hai.

Người xưa lấy vàng để là thí dụ, *“lấy vàng để làm vật dụng, thì vật dụng nào cũng đều là vàng”*. Vàng ví với nhất niệm tự tánh, pháp giới chúng sinh ví cho vật dụng. Vật dụng chính là vàng, vàng chính là vật dụng. Vàng và vật dụng làm sao có thể tách rời? Tiếp đó chúng ta mới hoát nhiên đại ngộ, vốn dĩ hư không pháp giới, tất cả chúng sinh chính là nhất niệm tự tánh. Nhất niệm tự tánh ở đâu?

Tông môn sau khi khai ngộ, có nói một câu *“tất cả đều là đạo, trái phải gặp nguồn”*. Tiện tay nhặt một vật, không phải không đúng, bạn thấy công án của Thiên tông, thử hỏi bạn nhất niệm tự tánh là gì? Cục phân khô cũng là nhất niệm tự tánh, người thông minh, người khế nhập hiểu được. Một cử động, một lời nói, một nụ cười của bạn, nó chứng minh cho bạn, không sai. Kiến giải này, được gọi là nhập tri kiến Phật, gọi là Phật tri Phật kiến, người nhập tri kiến Phật, thì làm Phật rồi, đây mới là *“chuyển mê thành giải”*.

Do đó cơ sở chuyển mê thành giải, là chuyển ác thành thiện. Nói thật ra, nếu người có thể làm được chuyển ác thành thiện, người này chắc chắn không bị đọa vào ba đường ác, người có thể chuyển mê thành giải, thì họ có cơ hội vượt khỏi luân hồi trong sáu đường, vượt qua thập pháp giới. Thế thì hãy xem bản nguyện của họ, nếu họ có nguyện chắc chắn vượt qua. Sau khi vượt qua, đó là *“chuyển phàm thành thánh”*, đây là giáo dục, đây là dạy học. Chúng ta cần phải nhớ kỹ, chư Phật Bồ Tát đã làm việc này. Nay chúng ta đi theo chư Phật Bồ Tát, học tập theo các Ngài, cũng làm việc này. Do đó, ba loại chuyển hóa này, trước phải chuyển hóa chính mình, sau đó chuyển hóa người khác. Ý này đã nói rõ ràng rồi.

Phần sau nói: *“Kim Địa Tạng đại sĩ, hiện thân lục đạo, u tứ bất khả thuyết, dụng tứ tất đàn phó duyên, tùy cơ thuyết giáo hóa chuyển vật tâm, đại khái bất việt thử tam”*. Đoạn này nói Bồ Tát Địa Tạng đã làm được, bản thân của Ngài làm rất viên mãn. Do đó, Ngài có thể giúp đỡ người khác. Chúng ta xem toàn bộ kinh đã nói, đích xác là ba sự việc này.

“Hiện thân lục đạo” là sự thật, tuyệt đối không thể nói Bồ Tát Địa Tạng chỉ làm Giáo chủ U Minh ở địa ngục, còn các đường khác thì không có, không đúng, đều hiện trong sáu đường. Bồ Tát từ bi, địa ngục khổ nhất, vì thế đối với chúng sinh tội khổ nơi địa ngục nên Ngài đặc biệt quan tâm họ, chiếu cố đến họ nhiều một chút. Kỳ thực tâm của Ngài thanh tịnh, bình đẳng.

Chỗ này nói *“đối với tứ bất khả thuyết”*. Đây là Thiên Thai tông nói, cách nói của Thiên Thai tông, là căn cứ Kinh Niết Bàn. Kinh Niết Bàn nói Lục bất khả thuyết, Thiên Thai tông nói Tứ giáo, rút ngắn Lục bất khả thuyết thành Tứ bất khả thuyết, phối hợp Tạng, Thông, Biệt, Viên.

Thứ nhất nói *“Sinh sinh bất khả thuyết”*, đây là Tạng giáo. Tạng giáo nói nhân duyên năng sinh, các pháp sở thuyết đều là thật có, do đó gọi là sinh sinh, đây là Tiểu thừa giáo

nghĩa. Cách nói này, chúng sinh thông thường rất dễ dàng tiếp nhận, vì sao vậy? Vì tùy thuận Tục Đế mà nói, cũng chính là tùy thuận tri thức của người thế gian mà nói, điều này rất dễ tiếp nhận.

Vì sao nói “bất khả thuyết”? Giảng đến chỗ cứu cánh, đến đây không còn gì để nói. Tuy những thứ này bày ra trước mặt, có nhân duyên, nhân còn có nhân, hỏi đến chỗ tận cùng. Hỏi đến tận cùng thì không còn cách để nói nữa rồi. Do đây có thể biết, người thế gian thực sự mê hoặc, họ có thể khẳng định việc ngay trước mắt, nếu tiến về phía trước một bước thì không biết, nếu lùi về phía sau một bước cũng không biết. Kỳ thực, việc này trước mắt, sao họ lại không hiểu được chứ?

Thứ hai, đây là Thông giáo. Thông giáo nói “sinh bất sinh bất khả thuyết”. Thông giáo nói năng sinh, sở sinh đều là đương thể tức không, do đó nói sinh bất sinh, trong Kinh Bát Nhã nói rất rõ ràng. Trong Kinh Kim Cang nói tâm năng sinh bất khả đắc, tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc, ba tâm này bất khả đắc.

Trong kinh, Đức Phật thường nói “tất cả pháp từ tâm tướng sinh”. Tâm năng sinh bất khả đắc, tất cả vật sở sinh thế nào? Các vật đều là vật duyên sinh, không có tự tánh. Duyên khởi tánh không, không có tự thể, do đó đương thể tức không, liễu bất khả đắc. Năng sinh, sở sinh đều bất khả đắc, đây là hiểu rõ chân tướng sự thật. Giáo nghĩa này, phía trước thông với Tiểu thừa, phía sau thông với Đại thừa, vì thế gọi nó là Thông giáo.

Thứ ba gọi là “bất sinh sinh bất khả thuyết”, đây là Biệt giáo. Biệt giáo nói lý bất sinh của chân như, nó sinh ra sự sai biệt của mười pháp giới, do đó gọi là bất sinh sinh. Đạo lý này, nói ra so với phía trước lại nhập sâu thêm một tầng, chân như xác thực là bất sinh. Bất sinh, vì sao có thể sinh ra? Vì sao sinh ra tướng sai khác của mười pháp giới?

Chúng tôi nói một ví dụ cho các vị dễ hiểu, tâm không cần phải nói chân tâm, vọng tâm, chúng ta chỉ nói tâm của phàm phu đã nói. Trong tâm không có mộng nhưng vào ban đêm khi bạn ngủ, nó sẽ khởi mộng. Mộng xác thực là cái do tâm biến hiện ra, nhưng trong tâm xác thực không có mộng. Trong tâm cần phải có mộng, thì tối nào bạn cũng phải mộng thấy giống nhau, sao có thể thay đổi? Ngay trong một đời của bạn, ngày ngày nằm mộng từ trước đến giờ chưa có hai giấc mộng giống nhau.

Từ ví dụ này, các vị suy nghĩ kỹ để thể hội, trong chân tâm đích thực không có tướng. Trong chân tâm, thật sự giống như câu “bổn lai vô nhất vật” của Đại sư Lục tổ Huệ Năng đã nói. Vì sao có thể biến hiện ra mười pháp giới y chánh trang nghiêm? Những thứ này làm sao biến hiện ra được? Chúng ta không biết. Đức Phật nói với chúng ta, những thứ này từ vô minh biến hiện ra, vô minh từ đâu đến? Vô minh do chân tâm khởi lên. Vô minh giống như một người trong chúng ta đứng ở dưới ánh sáng, thân con người là chân như, chân tâm, còn cái bóng do đèn chiếu hiện ra đó là vô minh. Cái bóng ấy là cái nương nơi thân mà có. Do đó, tách rời chân như thì không có vô minh. Vô minh là cái nương nơi chân như mà sinh khởi. Nó làm sao sinh khởi? Do mê mất chân tâm.

Tướng Tôn nói “nhất niệm bất giác mà có vô minh”. Một niệm bất giác ấy vô cùng vi tế, chắc chắn chúng ta không thể phát hiện ra. Một niệm vọng động rất vi tế, cho nên tướng của vô minh là tướng động. Tướng của một niệm tâm tánh là tướng tĩnh, là tướng tịch tĩnh. Tuy nương nơi vô minh biến hiện ra mười pháp giới y chánh trang nghiêm, nếu như ta mang theo vô minh, khi nhìn mười pháp giới y chánh trang nghiêm là tướng động, vọng động. Nếu đã phá trừ vô minh, thì thấy mười pháp giới y chánh trang nghiêm là tướng tịch diệt, tướng tịch diệt thanh tịnh. Đây chính là ‘tướng tùy tâm chuyển’ mà ở trong kinh mà Đức Phật đã nói.

Cái mà hàng phàm phu chúng ta thấy được là tướng động, cái mà Phật Bồ Tát thấy là tướng bất động. Phàm phu thấy tất cả hiện tượng này, động vật có sinh lão bệnh tử, thực

vật có sinh trụ dị diệt, hư không pháp giới, khoáng vật có thành trụ hoại không. Thông thường nói bốn tướng, trong mắt của chư Phật Bồ Tát không có. Không có bốn tướng này, thì tất cả các pháp không sinh không diệt, tất cả các pháp thường trụ bất biến. Chúng ta không thấy được, các Ngài thấy được tất cả. Khi nào thì ta thấy được, khi ta là Bồ Tát Vô Sinh Nhẫn. Bồ Tát Vô Sinh Nhẫn thấy tất cả pháp ở trước mắt chúng ta không sinh không diệt, thanh tịnh trang nghiêm.

Nhẫn nghĩa là chấp nhận, là khẳng định, Đức Phật khẳng định, ta cũng khẳng định. Đức Phật là người nói pháp này, tôi chấp nhận, bạn chính là Bồ Tát Vô Sinh Nhẫn. Bồ Tát Vô Sinh Nhẫn, trong Kinh Nhân Vương Đức Phật nói hạ phẩm Vô Sinh Nhẫn Thất địa, trung phẩm Bát địa, thượng phẩm Cửu địa. Khi nào bạn có thể nhìn được tất cả pháp không sinh, không diệt, xin chúc mừng, tối thiểu thì bạn cũng là Bồ Tát Thất địa, quán sát tỉ mỉ, ở ngay trong sinh diệt, thấy không sinh, không diệt.

Nói cách khác, chính là ở trong pháp tướng để thấy được pháp tánh, ở trong vạn tượng để thấy được nhất niệm tự tánh. Pháp tánh chính là nhất niệm tự tánh, do đó, ta đã thấy, chính là thiền tông nói “*minh tâm kiến tánh*”. Tánh ở chỗ nào? Tánh thì ở trong tất cả chúng sinh, trong tất cả vạn pháp, vàng chính là vật dụng, vật dụng chính là vàng, không tách rời nhau. Dùng vàng ròng làm rất nhiều đồ vật, ta cần vàng, bạn nói với ta, không có vàng. Cái mà ta thấy đều là vòng đeo tay, nhẫn, đủ các hình tượng, không thấy được vàng. Họ không biết các đồ vật kia chính là vàng. Thấy được vàng thì tùy tiện lấy một món đồ, đó chính là vàng, không sai. Do đó, tất cả chúng sinh chính là tự tánh chân như của chính mình.

Đoạn trước của Luân Quán nói rất hay “*nhất niệm tự tánh*”, nhất niệm chính là tự tánh, tự tánh chính là nhất niệm. Một niệm thì thấy được tự tánh, hai niệm thì không thấy được, hai niệm là mê. Mục đích niệm Phật của Tịnh tông ở đâu? Mục đích ở nhất tâm bất loạn, nhất tâm chính là nhất niệm. Nhất tâm thì thấy được tự tánh, nhất tâm thì thấy được nhất chân pháp giới. Nhất chân pháp giới là gì? Trước mắt chính là nhất chân pháp giới. Pháp giới này bất sinh bất diệt, không đến không đi, không dơ không sạch, không một không khác. Thật sự thấy được, bạn cảm thấy tất cả vạn pháp này có khác có đồng, có sinh có diệt, có đến có đi, đó là ảo tưởng của mình, ta nhìn lầm rồi. Tất cả mọi người đều nhìn lầm, thì họ cho là đúng. Thế thì có cách nào nữa?

Hôm nay tôi nói, họ phản đối tôi. Họ nói, đầu óc của tôi có vấn đề, nhìn sự việc không được rõ ràng, cái mà mọi người thấy được đều giống nhau, vậy đành lòng phải tùy theo họ. Bồ Tát Phổ Hiền dạy chúng ta “*hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức*”. Trong sự tùy hỷ, thành tựu chính mình, lợi ích người khác. Đây là bất sinh sinh bất khả thuyết.

Thứ tư, Viên giáo. Viên giáo nói “*Bất sinh bất sinh bất khả thuyết*”. Viên giáo nói lý của chân như và sự của mười pháp giới là một không phải hai, do đó, gọi là bất sinh bất sinh.

Bốn thứ này đều gọi là bất khả thuyết, đây là nguyên lý của bốn giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên. Chỉ có thể lãnh hội, không thể dùng ngôn thuyết, cho nên gọi là bất khả thuyết. Chân lý xưa nay đều không có cách nào để nói, Đức Thế Tôn dùng phương tiện thiện xảo, ở trong bất khả thuyết vẫn dùng ngôn thuyết. Ngôn thuyết, bạn cần phải thực sự hiểu được bất khả thuyết, thì mới thể hội được ý nghĩa của pháp Phật nói. “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”, nếu ta tưởng là hữu thuyết thì vĩnh viễn không thể hội được nghĩa chân thật của Như Lai.

Khi nào thì thật sự lãnh hội được pháp của Phật nói, nói mà không nói, không nói mà nói, mới là đại ngộ. Tông môn giáo môn khi khai ngộ chính là đã khế nhập cảnh giới này rồi. Vì thế, người liễu ngộ liền nói kệ để tán Phật, cảm tạ ân đức. Đây gọi là phương tiện thiện xảo.

Bồ Tát Địa Tạng hiện thân trong sáu đường, ở đường nào thì Ngài hiện thân hình của đường ấy. Ở ngay trong mỗi một đường cũng rất phức tạp. Ở cõi người, người thì có thân người nam, người nữ, có người giàu sang, có kẻ nghèo hèn, dòng tộc khác nhau, đáng dùng lấy thân gì để độ thì Ngài liền hiện thân hình ấy. Trong loài người có nam, nữ già trẻ, làm đủ các nghề nghiệp rất phức tạp, Bồ Tát không chỗ nào không hiện thân, chúng sinh không nhận biết, Bồ Tát cũng không lộ chân tướng.

Hôm qua, ở Dallas fax cho tôi, các vị đều nghe rồi đó. Bây giờ, ở Dallas đang mở Phật thất, hôm qua là ngày thứ tư, có lão cư sĩ họ Mã đã 80 tuổi, niệm Phật vãng sinh ở trong Phật thất. Sau khi nhiều Phật xuống, cư sĩ ấy ngồi ở trong đó mà vãng sinh. Người ấy lại chẳng phải là Bồ Tát thị hiện đến làm bằng chứng cho chúng ta đây sao? Vãng sinh cần phải vãng sinh giống như thế, bà ấy rất có phước báo. Sáng sớm hôm nay, Ngô Đạo fax đến cho tôi, nói rằng mọi người niệm Phật cho bà ấy hơn 30 tiếng đồng hồ. Phật thất nhiều người như thế, hơn một trăm người niệm Phật cho bà ấy, niệm hơn 30 tiếng đồng hồ, thật không thể nghĩ bàn.

Chúng tôi kiến lập một đạo tràng ở đó, kiến lập đạo tràng là để làm gì? Giúp người làm Phật, đây gọi là đạo tràng. Đạo tràng này có một người tại chỗ này thực sự vãng sinh làm Phật, thì đạo tràng này thành tựu. Vì thế, hôm qua tôi nói với mọi người không bị lỗ vốn. Chúng tôi ở đó đã đầu tư vốn một trăm năm mươi vạn Mỹ kim, lại có một người vãng sinh thì có lãi rồi. Chúng tôi nghe xong rất vui mừng.

Ở Singapore, Niệm Phật đường này của chúng ta, tương lai không biết có được bao nhiêu người được vãng sinh, thù thắng vô cùng, phải y giáo phụng hành mới được. Đây là Bồ Tát hiện thân ở sáu đường, làm chứng minh cho chúng ta. Chúng ta giảng kinh thuyết pháp, khuyến khích mọi người, thị chuyển, khuyến chuyển. Thị là gì? Chúng ta tự làm tấm gương cho mọi người xem, đây là thị chuyển. Các loại ngôn thuyết là khuyến chuyển. Vãng sinh làm tấm gương sáng, đây là làm chứng chuyển. Thật sự chứng minh niệm Phật vãng sinh là sự thật không phải giả.

Hậu sự của lão cư sĩ họ Mã vãng sanh, hôm nay lo liệu rất viên mãn. Cảnh sát, Pháp y đến khám nghiệm tử thi, họ đều cảm thấy rất viên mãn. Cũng để cho người ngoại quốc xem, có thể vãng sanh như vậy, không có bệnh, cũng không đến bệnh viện, ra đi tự tại biết bao. Niệm Phật đến 30 tiếng đồng hồ, tôi nghĩ diện mạo như đang sống, để người ngoại quốc thấy được sẽ cảm động, tướng lành này thị hiện ra rất tốt, không thể nói ngay trong đó. Không thể nói lý lẽ này rất sâu, rất khó, nhưng vẫn là việc cần phải làm.

“*Dụng Tứ Tất Đàn phó duyên, tùy cơ thuyết giáo*”. Đây chính là điều tôi thường khuyên giải với các vị đồng tu, chúng ta cần phải dùng thái độ như thế nào để qua lại với người khác. Điều này phải học Phật, thái độ của Phật dùng là Tứ Tất Đàn, Tứ Nhiếp Pháp. Chúng ta học hiểu Tứ Tất Đàn, Tứ Nhiếp pháp, khi quan hệ qua lại với tất cả chúng sinh, không có đến nơi nào mà không được lợi ích, ta sẽ được sự hoan nghênh của quần chúng, sẽ được mọi người kính mến. Bất luận làm việc gì cũng được thành công, nhân duyên của bạn tốt, có duyên với người.

Trong Tứ Tất Đàn, cái thứ nhất “*thế giới tất đàn*”, như thế nào gọi là Thế giới tất đàn? Tôi nghĩ các vị trong đây đều hiểu được, khiến cho tất cả chúng sanh sinh tâm hoan hỷ. Thế là nói về thời gian, giới là nói về không gian. Dùng thời gian, không gian thì bao quát tất cả chúng sinh, không chỉ chúng sinh hiện tại, chúng ta cần phải khiến cho họ sinh tâm hoan hỷ, mà quá khứ, vị lai cũng lại như thế. Ba đời mười phương tất cả chúng sinh, chúng ta tiếp xúc với họ, việc đầu tiên, cần phải dạy người sinh tâm hoan hỷ, đây là Bồ Tát. Ngay khi họ không thích, không thích thì chúng ta tránh. Ngay lúc đó chúng ta không tiếp xúc, nghe được họ cũng mừng.

Bạn thấy người ấy sợ mình, ta không thích họ thì họ tránh né. Về sau, dần dần họ hiểu, đây là họ tôn kính ta, họ sợ ta sinh phiền não, họ để cho ta vui vẻ. Sau khi họ hiểu rõ, thì họ sẽ đến tìm bạn, bạn không cần phải tìm họ. Họ đến tìm bạn, họ đến để sám hối với bạn, thay đổi vật tâm. Đây là điều thứ nhất.

Thứ hai, ‘*Vị nhân tát đàn*’. Tát đàn, tát là phổ biến, danh từ này là do Hoa Phạm hợp dịch. Đàn là tiếng Phạn, tát là tiếng Trung quốc, tát là phổ biến, bình đẳng, đàn là đàn na, bồ thí. Đầu tiên là bồ thí hoan hỷ, nhất định không thể để cho tất cả chúng sinh vì ta mà sinh phiền não, nhất định cần phải khiến cho tất cả chúng sinh nhờ ta mà sinh hoan hỷ, đây là việc của Phật, Bồ Tát đã làm.

Việc thứ hai cần phải bồ thí rộng khắp, ‘vị nhân’, tôi thường luôn nói mỗi niệm đều vì chúng sinh, không nên vì bản thân mình. Phải nên suy nghĩ cho chúng sinh, cần phải khiến cho chúng sinh được phước, cần phải khiến cho chúng sinh được lợi ích. Nghĩ đến họ, đừng nghĩ cho bản thân, nghĩ cho bản thân thì sai, nghĩ đến người khác là đúng. Tất cả Chư Phật Bồ Tát đều có cách nghĩ này, chắc chắn không có một Đức Phật nào, một vị Bồ Tát nào nghĩ cho bản thân mình. Đây là chỗ khác biệt giữa Phật và chúng sinh.

Chúng sinh tuy nghĩ đến người khác, nhưng vẫn còn nghĩ về bản thân, không thể quên được bản thân. Chư Phật Bồ Tát nhớ nghĩ đến chúng sinh, chúng sinh chính là bản thân mình, không có nghĩ về bản thân mình, cho nên gọi là bậc giác ngộ. Nghĩ đến người khác, mà vẫn còn nghĩ về bản thân mình, tuy giác ngộ rồi nhưng chưa có giác ngộ được thấu triệt. Trong giác vẫn còn vương lại một phần mê, không thanh tịnh, do đó không thể thành Đại Giác, đạo lý ở chỗ này.

Mỗi niệm, mỗi niệm cần phải nghĩ cho người khác, mỗi niệm, mỗi niệm cần phải nghĩ về những chúng sinh khổ nạn. Ít nhất, bạn không thể thông suốt đạo lý chân tướng sự thật trong đó, cũng phải nên nghĩ đến nhân duyên quả báo. Chúng sinh đang chịu khổ, quả báo hiện tiền, quả báo này là do nhân gì? Nhân như thế nào thì duyên như thế này, bạn cần phải nghĩ đến, rồi sau đó lại nghĩ đến làm thế nào để giúp họ giải quyết, đưa ra cách để đối trị.

Vì thế, trong Tứ tát đàn, cái thứ ba là ‘*Đối trị*’. Bạn có phương pháp đối trị, đem phương pháp này để bồ thí cho họ, nhất định có phương tiện khéo léo. Cần phải quán sát căn cơ, họ có thể tiếp nhận được chăng? Thích tiếp nhận chăng? Thí như một người bệnh, Bồ Tát là vị bác sĩ, bác sĩ vừa nhìn qua thì biết người bệnh đau ở chỗ nào, họ sẽ có phương pháp để điều trị, nhưng người bệnh cần phải có lòng tin đối với bác sĩ. Nếu người bệnh không có lòng tin với bạn, thì không chịu tiếp nhận, nếu có tiếp nhận nhưng không đủ lòng tin, không chịu uống thuốc của bạn cho, thì không có hiệu quả. Nếu có lòng tin đối với bác sĩ, có lòng tin tuyệt đối, bạn uống thuốc của bác sĩ cấp, sẽ rất có hiệu quả. Đạo lý trong đó cũng rất sâu.

Bồ Tát hiểu rõ căn tánh của chúng sinh, biết chúng sinh từ vô thủy kiếp đến nay, họ đã tạo biết bao nghiệp duyên. Vì thế, Bồ Tát có thể căn cứ vào bệnh tình mà cho thuốc, thuyết pháp cho họ nghe. Sau khi họ nghe xong thì có thể khai ngộ, có thể chứng quả. Việc này, chúng ta thường thấy ở trong kinh. Đức Thế Tôn giảng kinh, thuyết pháp, trong khi thính chúng vẫn chưa nghe xong, nghe được một nửa, thì họ khai ngộ, chứng quả, chúng ta thấy được rất nhiều.

Vì sao có có hiện tượng này? Có thể quán sát căn cơ, nói pháp khéo hợp căn cơ, chạm vào cửa ngộ của họ, tháo gỡ những bế tắc cho họ, chỗ bế tắc liền khai thông, đây gọi là đối trị, điều này không dễ. Nếu chính mình không phải là người đối diện thì rất khó đối trị được. Bản thân mình ngộ càng sâu, ngộ càng triệt để, hiệu quả đối trị càng rõ ràng, càng thù thắng.

Thứ tư ‘*Đệ nhất nghĩa tất đàn*’. Đệ nhất nghĩa tất đàn nói những gì? Chúng ta cần phải dùng lời bây giờ để nói, giúp cho họ niệm Phật, vãng sinh, làm Phật, đây mới là Đệ nhất nghĩa. Không thể vãng sinh, nói cách khác quyết định không thể rời khỏi sáu đường, không thể rời khỏi sáu đường thì phiền phức rất lớn. Suốt đời này, họ tiếp nhận sự giáo huấn của ta, có thể chuyển ác làm thiện, không thể phá mê khai ngộ, đời sau được sinh vào đường lành. Sau khi sinh về đường lành, ở đây hưởng phước, còn có thể duy trì được đoạn ác tu thiện chăng? Rất khó nói.

Ngày nay, chúng ta thấy thế gian người đại phú đại quý cũng nhờ đời trước họ đoạn ác tu thiện. Quả báo của họ được, đời này hưởng phước. Đời này hưởng phước thì hưởng hồ đồ rồi, mê muội rồi. Do đó, Phật Bồ Tát, Tổ Sư Đại đức, thị hiện cho ta thấy có phước không hưởng. Vì sao? Duy trì sự cảnh giác cao độ, phước hưởng hết nhất định mê hoặc điên đảo, lập tức thoái chuyển, lập tức đọa lạc.

Chư vị bình tĩnh quan sát thế giới này, sẽ thấy rất rõ ràng. Bạn thấy người đại phú đại quý, có ai không tạo nghiệp? Đời trước tu tích thiện căn phước đức rất lớn, cảm được quả báo này. Rất đáng tiếc, thời gian của quả báo không lâu, thọ mạng của con người không dài, thời gian bạn hưởng phước không lâu. Hưởng phước hết rồi, thì đi vào ba đường. Trong Phật pháp nói oan của ba đời. Đời thứ nhất tu phước, đời thứ hai hưởng phước, đời thứ ba đọa lạc. Hưởng phước thì không biết tu phước nữa, vì thế phước không thể hưởng, đây là chân lý.

Khi nào có thể hưởng phước? Đến khi nào không còn mê muội. Nói cách khác, hạn độ thấp nhất là chúng quả vị A La Hán, có thể hưởng phước. Pháp thân Đại Sĩ hưởng đại phước báo, y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, y chánh trang nghiêm của thế giới Hoa Tạng. Pháp thân Đại sĩ hưởng lạc, các ngài ở trong đó có thể hưởng thụ. Các ngài đến thế giới này của chúng ta, không thể hưởng thụ. Đến thế giới này của chúng ta, hưởng thụ là cái gì? Chúng ta sẽ học theo các ngài, chúng ta cũng hưởng thụ. Các ngài hưởng thụ thì không có vấn đề, nhưng chúng ta hưởng thụ thì gay go. Vì thế, các ngài muốn thay chúng sinh chịu khổ, các ngài muốn thị hiện không hưởng thụ, có phước báo mà không hưởng thụ, để chúng ta học theo các ngài.

Phật Thích Ca Mâu Ni cần gì phải đến thế giới này của chúng ta, thị hiện làm một vị tăng khổ hạnh chứ? Ngài là bậc phước báo viên mãn, phước tuệ nhị túc tôn, vì sao thị hiện làm một người khổ hạnh, hàng ngày phải ôm bát ra ngoài để khát thực? Nói với chúng ta, trước khi chưa chứng đắc quả A La Hán, chưa chứng đắc Chánh Giác, không được hưởng phước, hưởng phước thì sẽ tạo tội nghiệp. Ở trong giai đoạn này, có phước phải nên biết cho mọi người hưởng, cho tất cả chúng sinh hưởng, còn bản thân mình quyết định không thể hưởng.

Người xuất gia nhận sự cúng dường của tín đồ, tiền tài có được dễ dàng. Nếu những thứ cúng dường này sử dụng không thích đáng thì sẽ bị đọa vào ba đường. Vì thế, các vị cần phải quán sát cẩn thận. Những lão hòa thượng được cúng dường rất nhiều, bạn thấy sao? Thấy những vị ấy qua đời thế nào? Nay chúng ta cần phải biết cảnh giác. Bạn thấy khi những vị ấy qua đời tinh thần hỗn loạn mơ hồ, người chết với tướng trạng ấy thì không tốt, đó là tướng xấu, thì chúng ta giác ngộ được.

Sự thị hiện của Phật Bồ Tát, sự thị hiện của Tổ sư Đại đức, thật xác thực. Chúng ta không thể đi vào con đường này. Chúng ta không thể bắt chước theo họ. Nói không chừng, họ là Phật Bồ Tát thị hiện. Thị hiện tướng trạng này cho chúng ta thấy, bạn được cúng dường nhiều, bạn hưởng phước giống như tôi, thì bạn cũng sẽ bị giống như tôi vậy.

Sự thị hiện này của họ là giả, chúng ta là thật, chúng ta thật thì đọa địa ngục. Chúng ta cũng không biết họ là thật hay là giả, chúng ta vẫn dùng tâm cung kính để đối đãi. Họ là

vị thầy tốt của chúng ta, thị hiện tấm gương cho chúng ta thấy, chúng ta dùng tâm như thế thì đúng rồi. Họ đều là đại thiện tri thức của chúng ta, đều là giúp cho ta giác ngộ, đều là giúp đỡ ta sửa đổi lỗi lầm của mình. Chúng ta nhất định không thể coi thường họ.

Phật Bồ Tát thị hiện, không biết có thị hiện chánh diện hay thị hiện phản diện. Không luận là chánh diện hay phản diện đối với chúng ta cũng có tác dụng giáo hóa rất sâu sắc. Đây cũng nói đến ‘*Cảnh duyên không có đẹp xấu*’ của đại sư Ngẫu Ích đã nói, đẹp xấu ở tâm mình. Chúng ta dùng thái độ này để đối đãi, họ là Bồ Tát thị hiện. Chúng ta dùng tâm phàm phu để cư xử, họ bị đọa lạc, chúng ta là phàm phu, đối với chúng ta không khởi tác dụng giáo hóa, chúng ta đang xem trò cười.

Có thể thấy được thiện ác, thị phi, cảnh giới bên ngoài không, đều do một niệm của chính mình, điều này chúng ta cần phải hiểu, nhất định cần phải giúp đỡ người tu hành chứng quả. Hôm nay, giúp đỡ người tu hành chứng quả, chính là vắng sinh Tịnh độ. Nhất định cần phải hiểu được ngoài pháp môn này ra, ngay trong đời này muốn chứng đắc quả, quyết định không thể được. Vì sao? Không luận tu học pháp môn nào, cũng cần phải đoạn kiên tư phiền não. Đoạn kiên tư phiền não đâu phải chuyện dễ. Trong tâm chúng ta cần phải hiểu rõ, làm không được.

Chúng ta cần phải tìm ngay trong đời này, pháp môn nào có thể làm được để tu, chúng ta mới có được thành tựu. Pháp môn làm không được, bạn muốn tu nó, bạn không cho là lãng phí thời gian của bạn, lãng phí tinh lực của bạn, thế thì thật đáng tiếc. Do đó, pháp nhất định cần phải khế cơ, mới có thể thu được hiệu quả. Chư Phật Bồ Tát đều là dùng Tứ tất đàn phó duyên. Phó duyên chính là cảm ứng, chúng sinh có cảm, thì họ có ứng. Ứng này của họ là Tứ tất đàn.

Hết tập 14